

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH CÁC LOẠI QUỸ

Tháng 12 năm 2020

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN					GHI CHÚ
		TỔN ĐẦU KỲ	THU	CHI	TẠM ỨNG	TỔN CUỐI KỲ	
1	Ngân sách nguồn 13	2.071.917.188		2.020.550.882		51.366.306	
2	Ngân sách nguồn 14	3.457.904.428		1.096.341.105		2.361.563.323	
3	Ngân sách nguồn 12	196.320.592	-	196.320.592		-	
4	Học phí công lập	1.285.416.709	121.800.000	151.925.248		1.255.291.461	
5	Học buổi hai	63.903.689	275.100.000	262.793.983		76.209.706	
6	Mua sắm thiết bị dụng cụ bán trú	44.761.875	64.949.125	69.405.266		40.305.734	
7	Vệ sinh phí bán trú	1.210.671	26.180.000	23.478.000	-	3.912.671	
8	Học vi tính	-	-	-		-	
9	Quản lý - phục vụ bán trú	14.194.377	196.200.000	187.609.757		22.784.620	
10	Dạy thêm học thêm	-		-		-	
11	Tiền ăn	11.812.495	832.720.000	830.683.608		13.848.887	
12	Nước uống bán trú	13.201.490	15.708.000	24.412.000		4.497.490	
13	Tiền in ấn đề kiểm tra	10.279.420	72.000	-		10.351.420	
14	Bảo hiểm y tế	-	47.376.000	28.195.435		19.180.565	
15	Bảo hiểm tai nạn	10.290.000	2.270.000	806.032		11.753.968	
16	Căn tin	7.550.000		-		7.550.000	
17	Giữ xe	4.300.000	20.000.000	-		24.300.000	
18	Học Anh văn giao tiếp	28.458.000	155.160.000	183.441.008		176.992	
19	Quỹ Khen thưởng	707.993	-	-		707.993	
20	Phúc lợi	6.264.974	-	-		6.264.974	
21	Ổn định thu nhập	3.341.231				3.341.231	
22	Quỹ phát triển sự nghiệp	38.130.218		-		38.130.218	
23	Khác	15.151.481	-	-		15.151.481	
	Tổng cộng	7.285.116.831	1.757.535.125	5.075.962.916	-	3.966.689.040	

KẾ TOÁN

Ngô Thị Thủy

HIỆU TRƯỞNG

TRẦN PHÚ THẢO